TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày: 15- 4- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Trường;

Ông Đoàn Trung Tuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **Tạ Quang T**; sinh ngày 28- 6- 1967 tại huyện H, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú: P2-M3 khu nhà tạm, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Phòng B, khu tập thể V, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Quang H và bà Quản Thị O (Đều đã chết); có vợ là Phạm Thị H1, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21- 8- 1992, bị Toà án nhân dân tối cao xử phạt 20 năm tù về tội "Giết người", chấp hành xong hình phạt tù vào năm 2007; ngày 09- 9- 2011, bị Toà án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 10 tháng tù về tội "Đánh bạc" (tổng số tiền đánh bạc 4.210.000 đồng); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23- 12- 2023 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện G; "có mặt".

2. **Phạm Văn B**; sinh ngày 15- 9- 1962 tại huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Ngõ D, tổ C, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M và bà Vũ Thị Đ (đều đã chết);

có vợ là Nguyễn Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23- 12- 2023 đến ngày 19- 01- 2024; hiện bị cấm đi khỏi nơi cư trú; "có mặt".

3. **Vũ Thế T1**; sinh ngày 08- 3- 1989 tại huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm E, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân V và bà Đỗ Thị M1 (Đã chết); có vợ là Lý Thị Yến N1 (đã ly hôn năm 2020) và vợ là Mai Thị H2 (đã ly hôn năm 2022); có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 23- 12- 2023 đến ngày 29- 12- 2023; hiện bị cấm đi khỏi nơi cư trú; "có mặt".

4. **Phạm Văn T2**; sinh ngày 01- 6- 1972 tại huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm E, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh H3 và bà Đinh Thị P (đều đã chết); có vợ là Vũ Thị C và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 23- 12- 2023 đến ngày 29- 12- 2023; hiện bị cấm đi khỏi nơi cư trú; "có mặt".

5. **Phạm Quang Đ1**; sinh ngày 20- 02- 1975 tại huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K và bà Đỗ Thị N2; có vợ là Mai Thị H4 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 23- 12- 2023 đến ngày 29- 12- 2023; hiện bị cấm đi khỏi nơi cư trú; "có mặt".

6. **Vũ Xuân P1**; sinh ngày 05- 5- 1955 tại huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm E, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H5 và bà Phạm Thị B1 (đều đã chết); có vợ là Cao Thị T3 và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 23- 12- 2023 đến ngày 29- 12- 2023; hiện bị cấm đi khỏi nơi cư trú; "có mặt".

7. **Vũ Văn Đ2**; sinh ngày 05- 5- 1977 tại huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm B, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Quốc P2 và bà Đinh Thị T4; có vợ là Đinh Thị L và có 06 con (02 con đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 23- 12- 2023 đến ngày 29- 12- 2023; hiện bị cấm đi khỏi nơi cư trú; "có mặt".

8. **Cao Văn C1**; sinh ngày 19- 5- 1963 tại huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm E, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn H6 và bà Vũ Thị D (đều đã chết); có vợ là Trần Thị N3 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 23- 12- 2023 đến ngày 29- 12- 2023; hiện bị cấm đi khỏi nơi cư trú; "có mặt".

9. **Vũ Văn V1**; sinh ngày 19- 6- 1960 tại huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư

trú: Xóm E, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H5 và bà Phạm Thị B1 (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T5 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 23- 12- 2023 đến ngày 29- 12- 2023; hiện bị cấm đi khỏi nơi cư trú; "có mặt".

** Người làm chứng*:

1. Ông Phạm Văn Đ3; "vắng mặt".

2. Ông Trần Văn K1; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 22- 12- 2023, sau khi dự đám cưới tại nhà ông Vũ Xuân B2 ở xóm E, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định, Tạ Quang T, Phạm Văn B, Vũ Thế T1 và Phạm Văn T2 đến nhà anh Vũ Văn T6 ở xóm E, xã G ngồi chơi uống nước (anh T6 đi làm tại Hà Nội, gia đình ông Vũ Xuân B2 nhờ nhà anh T6 để tổ chức đám cưới). Trong lúc uống nước, T, B, T1 và T2 cùng thống nhất đánh liêng ăn tiền với mức vào gà 20.000 đồng/ván, tố cao nhất 50.000 đồng, ai được sáp, liêng, đồng hoa thì ăn mỗi người còn lại 50.000 đồng. Sau đó, 04 đối tượng đi vào gian phòng ngủ nhà anh T6 ngồi xuống chiếu đã trải sẵn, T2 lấy 01 bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở phòng khách và chia bài cho các đối tượng. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, lần lượt các đối tượng Phạm Quang Đ1, Vũ Xuân P1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1, Vũ Văn V1, Phạm Văn Đ3 và Trần Văn K1 (đều ở xã G) cũng đến nhà anh T6. Đ1, P1, Đ2, C1 và V1 vào tham gia đánh bạc cùng các đối tượng, còn Đ3 và K1 ngồi xem. Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, trong lúc Tạ Quang T, Phạm Văn B, Vũ Thế T1, Phạm Văn T2, Phạm Quang Đ1, Vũ Xuân P1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1, Vũ Văn V1 đang đánh bạc được thua bằng tiền thì bị Tổ công tác Công an huyện G phối hợp cùng Công an xã G phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 11.800.000 đồng, thu trên người các đối tượng 31.810.000 đồng (trong đó có 4.310.000 sử dụng để đánh bạc); 01 bộ bài tú lơ khơ, 02 chiếu nhựa, 11 điện thoại, 02 xe máy các loại.

Quá trình khám xét nhà ở của anh Vũ Văn T6, tổ công tác còn giữ 02 bộ bài tổ tôm và 01 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng. Thu giữ của 02 đối tượng ngồi xem là Phạm Văn Đ3 và Trần Văn K1 số tiền 12.250.000 đồng, Đ3 và K1 khai nhận số tiền trên là tài sản của Đảng và K1, không sử dụng để đánh bạc.

Các bị cáo khai nhận: Tạ Quang T có 2.200.000 đồng, T chỉ sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, T bỏ ra 200.000 đồng để đánh trước, khi bị bắt T bị thu giữ 60.000 đồng dưới chiếu bạc và 2.000.000 đồng trên người. Phạm Văn B mang theo số tiền 2.100.000 đồng, B chỉ bỏ ra 200.000 đồng để đánh bạc; khi bị bắt, B bị thu giữ 160.000 đồng dưới chiếu bạc và 1.900.000 đồng trên người. Vũ

Thế T1 có 300.000 đồng sử dụng để đánh bạc; khi bị bắt, T1 bị thu giữ 330.000 đồng dưới chiếu bạc. Cao Văn C1 có 630.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc, C1 bỏ ra 120.000 đồng đánh trước, còn 510.000 đồng cất trên người; khi bị bắt, C1 bị thu giữ 20.000 đồng dưới chiếu bạc và 510.000 đồng trên người. Phạm Văn T2 có 200.000 đồng sử dụng để đánh bạc; khi bị bắt, T2 bỏ cả tiền xuống chiếu bạc. Vũ Xuân P1 mang theo khoảng 4.550.000 đồng, P1 chỉ sử dụng 1.250.000 đồng để đánh bạc; khi bị bắt, P1 bỏ cả tiền xuống chiếu bạc và bị thu giữ trên người 4.450.000 đồng. Vũ Văn Đ2 có 1.400.000 đồng sử dụng để đánh bạc; Đ2 bỏ ra 200.000 đồng đánh trước, còn lại 1.200.000 đồng cất trên người; khi bị bắt, Đ2 bị thu giữ dưới chiếu bạc 620.000 đồng và thu trên người 1.200.000 đồng. Phạm Quang Đ1 mang theo số tiền 1.100.000 đồng, Đ1 chỉ sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc, Đ1 bỏ ra 300.000 đồng đánh trước, còn lại 800.000 đồng cất trên người; khi bị bắt, Đ1 bị thu giữ dưới chiếu bạc 320.000 đồng và thu trên người 800.000 đồng. Vũ Văn V1 mang theo số tiền 9.200.000 đồng, V1 chỉ bỏ ra 500.000 đồng để đánh bạc; khi bị bắt, V1 bị thu giữ dưới chiếu bạc 190.000 đồng và thu trên người 8.700.000 đồng.

Cáo trạng số 10/CT-VKS-GT ngày 06- 3- 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Tạ Quang T, Phạm Văn B, Vũ Thế T1, Phạm Văn T2, Phạm Quang Đ1, Vũ Xuân P1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 và Vũ Văn V1 đã phạm tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Tạ Quang T, Phạm Văn B, Vũ Thế T1, Phạm Văn T2, Phạm Quang Đ1, Vũ Xuân P1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 và Vũ Văn V1 phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 15- 5- 2018 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được sửa đổi bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15- 4- 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt bị cáo Tạ Quang T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Phạm Văn B, Vũ Thế T1, Phạm Văn T2 mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ đến 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, x khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Xuân P1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Phạm Quang Đ1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Phạm Quang

Đ1, Vũ Xuân P1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn V1 số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền đánh bạc 16.110.000 đồng và 02 chiếc điện thoại thu giữ của Vũ Xuân P1 và Vũ Văn Đ2; tịch thu tiêu huỷ 01 bộ bài tú lơ khơ dùng để đánh bạc, 01 bộ tú lơ khơ chưa qua sử dụng, 02 bộ bài tổ tôm, 02 chiếu nhựa.

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu. Các bị cáo không tự bào chữa, tranh luận gì; tỏ rõ sự ăn năn, hối lỗi và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 22- 12- 2023 tại nhà anh Vũ Văn T6, Xóm E, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (anh T6 không có nhà) các đối tượng gồm Tạ Quang T, Phạm Văn B, Vũ Thế T1, Phạm Văn T2, Phạm Quang Đ1, Vũ Xuân P1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 và Vũ Văn V1 có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức "đánh liêng" được thua bằng tiền với số tiền đánh bạc 16.110.000 đồng.

[3] Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ, nhưng đã cố ý thực hiện. Từ đó xác định, các bị cáo Tạ Quang T, Phạm Văn B, Vũ Thế T1, Phạm Văn T2, Phạm Quang Đ1, Vũ Xuân P1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 và Vũ Văn V1 phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tạ Quang T đã từng bị kết án, có nhân thân xấu nhưng đã chấp hành hình phạt xong từ hơn mười năm trước, đã được xóa án tích. Các bị cáo Phạm Văn B, Vũ Thế T1, Phạm Văn T2, Phạm Quang Đ1, Vũ Xuân P1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 và Vũ Văn V1 đều phạm tội lần đầu; các bị cáo này đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo trong vụ án đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Xuân P1 tham gia kháng chiến và được tặng Huy chương, là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Văn V1 tham gia quân đội bảo vệ Tổ quốc tặng "Bằng khen" và tham gia công tác của Hội cựu chiến binh địa phương đã được tặng nhiều "Giấy khen" nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Tạ Quang T bị bệnh viêm gan b mạn tính, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tham gia Tổ dân phòng được cơ sở xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Vai trò của các bị cáo ở vụ án: Các bị cáo đánh bạc đồng phạm giản đơn, số tiền đánh bạc của mỗi bị cáo đều không lớn. Bị cáo Tạ Quang T, Phạm Văn B, Vũ Thế T1 và Phạm Văn T2 có vai trò cao hơn các bị cáo khác do tham gia đánh bạc từ đầu. Các bị cáo Phạm Quang Đ1, Vũ Xuân P1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 và Vũ Văn V1 cùng có vai trò sau.

[6] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự thấy: Cần thiết phải áp dụng hình phạt tù trong khung hình phạt với Tạ Quang T, Phạm Văn B, Vũ Thế T1 và Phạm Văn T2. Xét các bị cáo này đều phạm tội ít nghiêm trọng nên cho hưởng án treo là đủ tác dụng của hình phạt và đúng quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo. Đối với các bị cáo Phạm Quang Đ1, Vũ Xuân P1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo Vũ Văn V1 thấy cần áp dụng hình phạt tiền là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập: Các bị cáo đều có hoàn kinh tế khó khăn, thu nhập thấp không ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo được hưởng án treo và không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như quy định pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng: Số tiền 16.110.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh liêng và 02 chiếc điện thoại thu giữ của Vũ Xuân P1 và Vũ Văn Đ2 sử dụng liên lạc để có mặt đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ dùng để đánh bạc, 01 bộ tú lơ khơ chưa qua sử dụng, 02 bộ bài tổ tôm, 02 chiếu nhựa thu giữ khi khám xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ là phù hợp.

[9] Số tiền 27.500.000 đồng và 09 điện thoại, 02 xe máy là tài sản hợp pháp của Tạ Quang T, Phạm Văn B, Vũ Xuân P1, Phạm Quang Đ1, Vũ Văn V1, anh Phạm Văn Đ3 và anh Trần Văn K1, không liên quan đến hành vi phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án theo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Tạ Quang T, Phạm Văn B, Vũ Thế T1, Phạm Văn T2, Phạm Quang Đ1, Vũ Xuân P1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 và Vũ Văn V1 phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Tạ Quang T 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án (bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-12- 2023 đến ngày 15- 4- 2024); tuyên bố trả tự do cho bị cáo Tạ Quang T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Phạm Văn B, Vũ Thế T1 và Phạm Văn T2 mỗi bị cáo 09 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng, kể từ ngày tuyên án (bị cáo Phạm Văn B đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23- 12- 2023 đến ngày 19- 01- 2024; bị cáo Vũ Văn T7 và Phạm Văn T2 đã bị tạm giữ từ ngày 23-12- 2023 đến ngày 29- 12- 2023).

Giao bị cáo Tạ Quang T cho Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội; bị cáo Phạm Văn B cho phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; các bị cáo Vũ Thế T1 và Phạm Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Phạm Quang Đ1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 mỗi bị cáo 15 tháng cải tạo không giam giữ; mỗi bị cáo được khấu trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 23- 12- 2023 đến ngày 29- 12- 2023) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, mỗi bị cáo Phạm Quang Đ1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 còn phải chấp hành 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ; thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện X, tỉnh Nam Định (đối với bị cáo Phạm Quang Đ1), Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện G, tỉnh Nam Định (đối với Vũ Văn Đ2 và Cao Văn C1) nhận được Quyết định thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, x khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Vũ Xuân P1 12 tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 23- 12- 2023 đến ngày 29- 12- 2023) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Vũ Xuân P1 còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ; thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện G, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án; Miễn khấu trừ thu nhập cho Phạm Quang Đ1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 và Vũ Xuân P1;Giao bị cáo Phạm Quang Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; các bị cáo Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 và Vũ Xuân P1 cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt tiền bị cáo Vũ Văn V1 20.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền các bị cáo đánh bạc 16.110.000 đồng; 02 điện thoại di động của Vũ Xuân P1 và Vũ Văn Đ2. Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ bài tú lơ khơ dùng để đánh bạc, 01 bộ tú lơ khơ chưa qua sử dụng, 02 bộ bài tổ tôm, 02 chiếu nhựa. (Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 28, ngày 08- 3- 2024 lập tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Tạ Quang T, Phạm Văn B, Vũ Thế T1, Phạm Văn T2, Phạm Quang Đ1, Vũ Xuân P1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 và Vũ Văn V1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Tạ Quang T, Phạm Văn B, Vũ Thế T1, Phạm Văn T2, Phạm Quang Đ1, Vũ Xuân P1, Vũ Văn Đ2, Cao Văn C1 và Vũ Văn V1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo: 09 bản.
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Công an huyện Giao Thủy: 02 bản;
- UBND xã Giao Thiện: 06 bản;
- UBND xã Xuân Thượng: 01 bản;
- UBND phường Mỹ Độ: 01 bản;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND phường Văn Chương: 01 bản;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản.

Vũ Ngọc Duyên